

29 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn liên quan về hợp đồng sử dụng tác phẩm.

Trung ương, các tác giả, chủ sở hữu tác phẩm và bên sử dụng tác phẩm chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

### *Chương IX*

## **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẾ ĐỘ NHUẬN BÚT**

**Điều 35.** Quản lý nhà nước về chế độ nhuận bút thuộc phạm vi quản lý nhà nước về bảo hộ quyền tác giả, thực hiện theo các quy định tại Chương VI Nghị định số 76/CP ngày 29 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ.

### *Chương X*

## **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 36.** Hiệu lực thi hành.

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Nghị định số 59/HDBT ngày 05 tháng 6 năm 1989 của Hội đồng Bộ trưởng về chế độ nhuận bút đối với tác phẩm chính trị - xã hội, văn hóa - giáo dục, văn học - nghệ thuật, khoa học - kỹ thuật và các văn bản hướng dẫn thực hiện hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Những quy định trước đây trái với nội dung quy định tại Nghị định này đều bãi bỏ.

**Điều 37.** Trách nhiệm hướng dẫn thi hành.

Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thi hành Nghị định này.

**Điều 38.** Trách nhiệm thi hành Nghị định.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc

TM. Chính phủ

*Thủ tướng*

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 62/2002/  
NĐ-CP ngày 14/6/2002 sửa đổi, bổ  
sung một số điều của Nghị định  
số 67/1999/NĐ-CP ngày 07/8/1999  
quy định chi tiết và hướng dẫn  
thi hành Luật Khiếu nại, tố cáo.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng  
12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02 tháng  
12 năm 1998;*

*Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Nhà nước,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay sửa đổi, bổ sung các Điều: Điều 5, Điều 12, Điều 13, Điều 15, Điều 17 và Điều 43 của Nghị định số 67/1999/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 1999 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khiếu nại, tố cáo như sau:

**1. Điều 5 được sửa đổi như sau:**

**“Điều 5.** Cơ quan nhà nước khi nhận được đơn khiếu nại thì xử lý như sau:



1. Đối với đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và có đủ các điều kiện quy định tại Điều 1 của Nghị định này thì cơ quan nhận được phải thụ lý để giải quyết; trong trường hợp đơn khiếu nại có chữ ký của nhiều người thì có trách nhiệm hướng dẫn người khiếu nại viết thành đơn riêng để thực hiện việc khiếu nại;

2. Đối với đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình nhưng không đủ các điều kiện thụ lý để giải quyết theo quy định tại Điều 1 của Nghị định này thì có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho người khiếu nại biết rõ lý do;

3. Đối với đơn vừa có nội dung khiếu nại, vừa có nội dung tố cáo thì cơ quan nhận được có trách nhiệm xử lý nội dung khiếu nại theo quy định tại điểm 1, điểm 2 và điểm 5 của Điều này, còn nội dung tố cáo thì xử lý theo quy định tại Điều 43 của Nghị định này;

4. Đối với đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp dưới nhưng quá thời hạn quy định mà chưa được giải quyết thì cơ quan cấp trên trực tiếp xử lý như quy định tại khoản 2 Điều 17 của Nghị định này;

5. Đối với đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, đơn khiếu nại về vụ việc đã có quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng thì cơ quan nhận được đơn không có trách nhiệm thụ lý mà thông báo và chỉ dẫn cho người khiếu nại bằng văn bản. Việc thông báo chỉ thực hiện một lần đối với một vụ việc khiếu nại; trong trường hợp người khiếu nại gửi kèm giấy tờ, tài liệu là bản gốc liên quan đến vụ việc khiếu nại thì cơ quan nhận được đơn trả lại các giấy tờ, tài liệu đó cho người khiếu nại”.

## **2. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

### **“Điều 12.**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền

theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo.

a) Đối với khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chánh Thanh tra cấp tỉnh xem xét, kết luận và kiến nghị việc giải quyết;

b) Đối với khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại, khiếu nại mà Giám đốc Sở đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại mà nội dung thuộc phạm vi quản lý của mình thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho Chánh Thanh tra cấp tỉnh tiến hành xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết;

c) Căn cứ vào báo cáo xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giải quyết hoặc ủy quyền cho Chánh Thanh tra cấp tỉnh ra quyết định giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Nghị định này và theo thời hạn quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo. Quyết định giải quyết đối với khiếu nại nêu tại điểm a khoản 1 Điều này là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; quyết định giải quyết đối với khiếu nại nêu tại điểm b khoản 1 Điều này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Đối với những vụ việc phức tạp thì trước khi ký quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải tham khảo ý kiến của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ về những nội dung có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ, ngành đó.

Khi tham khảo ý kiến phải nêu rõ nội dung vụ việc và những nội dung cần tham khảo ý kiến. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ nhận được đề nghị tham khảo ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị.



2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chánh Thanh tra cấp tỉnh được ủy quyền ra quyết định giải quyết có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan; nếu là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng thì gửi Tổng Thanh tra Nhà nước; nếu là quyết định giải quyết lần đầu thì gửi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có thẩm quyền giải quyết tiếp theo đối với vụ việc khiếu nại đó; đối với những vụ việc phức tạp thì mời người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan, đại diện cơ quan có liên quan đến để công bố công khai quyết định giải quyết khiếu nại.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thi hành, tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật trong phạm vi trách nhiệm của mình; kiểm tra, đôn đốc cơ quan, đơn vị cấp dưới trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi ký quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với những vụ việc phức tạp, có nhiều người khiếu nại về một nội dung, phải trực tiếp đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại trước đó, người có quyền và lợi ích liên quan.

Khi tổ chức đối thoại, người giải quyết khiếu nại phải công bố báo cáo kết quả thẩm tra xác minh vụ việc, những chứng cứ, căn cứ pháp luật liên quan đến giải quyết vụ việc và thông báo dự kiến xử lý vụ việc đó. Những người tham gia đối thoại có quyền phát biểu ý kiến, đưa ra bằng chứng liên quan đến vụ việc và những yêu cầu của mình. Việc đối thoại phải được lập thành biên bản”.

### **3. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

#### **“Điều 13.**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ,

Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo.

a) Đối với khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ giao cho Thủ trưởng Cục, Vụ, đơn vị chức năng hoặc Chánh Thanh tra cùng cấp xem xét, kết luận và kiến nghị việc giải quyết;

b) Đối với khiếu nại mà Thủ trưởng cơ quan thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại mà thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì giao cho Chánh Thanh tra cùng cấp tiến hành xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết;

c) Căn cứ vào báo cáo xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ ra quyết định giải quyết trong thời hạn quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo. Quyết định giải quyết khiếu nại nêu tại điểm a khoản 1 Điều này là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; quyết định giải quyết khiếu nại nêu tại điểm b khoản 1 Điều này của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Đối với những vụ việc phức tạp thì trước khi ký quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải tham khảo ý kiến của Bộ, ngành về những nội dung có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành đó và của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra vụ việc khiếu nại.

Khi tham khảo ý kiến phải nêu rõ nội dung vụ việc và những nội dung cần tham khảo ý kiến.



Cơ quan nhận được đề nghị tham khảo ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích có liên quan và Tổng Thanh tra Nhà nước; đối với những vụ việc phức tạp thì mời người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan, đại diện cơ quan có liên quan đến để công bố công khai quyết định giải quyết khiếu nại.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm thi hành, tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật trong phạm vi trách nhiệm của mình; kiểm tra, đôn đốc cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của mình trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trước khi ký quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với những vụ việc phức tạp, có nhiều người khiếu nại về một nội dung, phải trực tiếp đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại trước đó, người có quyền và lợi ích liên quan.

Khi tổ chức đối thoại, người giải quyết khiếu nại phải công bố báo cáo kết quả thẩm tra xác minh vụ việc, những chứng cứ, căn cứ pháp luật liên quan đến giải quyết vụ việc và thông báo dự kiến xử lý vụ việc đó. Những người tham gia đối thoại có quyền phát biểu ý kiến, đưa ra bằng chứng liên quan đến vụ việc và những yêu cầu của mình. Việc đối thoại phải được lập thành biên bản".

#### **4. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

##### **"Điều 15.**

1. Quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng

phải được các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh.

Quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng chỉ được xem xét lại khi phát hiện có tình tiết mới hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Người đã ra quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng khi phát hiện có tình tiết mới hoặc quyết định giải quyết khiếu nại đó có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức, hoặc có yêu cầu của những người quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thì phải tự xem xét lại để ban hành quyết định mới thay thế quyết định giải quyết khiếu nại có vi phạm pháp luật.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ khi phát hiện quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nội dung liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ, ngành mình có tình tiết mới hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì yêu cầu người đã ban hành quyết định đó xem xét lại; trong thời hạn 30 ngày, nếu yêu cầu đó không được thực hiện thì tiến hành xác minh, kết luận và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Tổng Thanh tra Nhà nước khi phát hiện quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có tình tiết mới hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì yêu cầu người đã ban hành quyết định đó xem xét lại; trong thời hạn 30 ngày, nếu yêu cầu đó không được thực hiện thì tiến hành xác minh, kết luận và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Thời hiệu yêu cầu xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng quy định tại khoản 2, khoản 3 của Điều này là 12 tháng, kể từ ngày quyết định đó có hiệu lực thi hành”.

**5. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 17.**

1. Thủ trưởng cơ quan nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị cấp dưới giải quyết kịp thời các khiếu nại thuộc thẩm quyền.

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước khi nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền của cấp dưới trực tiếp nhưng quá thời hạn quy định mà chưa được giải quyết thì yêu cầu cấp dưới phải giải quyết, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết của cấp dưới và áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để xử lý đối với người thiếu trách nhiệm hoặc cố tình trì hoãn việc giải quyết khiếu nại đó. Trong trường hợp cần áp dụng biện pháp vượt quá thẩm quyền của mình thì kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý”.

**6. Điều 43 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 43.**

1. Cơ quan nhà nước nhận được đơn tố cáo có trách nhiệm phân loại và xử lý như sau:

a) Nếu tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì phải thụ lý để giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và Nghị định này.

b) Nếu tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì chậm nhất là trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được phải chuyển đơn tố cáo hoặc bản ghi lời tố cáo và các tài liệu, chứng cứ liên quan (nếu có) cho người có thẩm quyền giải quyết.

c) Không xem xét, giải quyết những tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ, không có chữ ký trực tiếp mà sao chụp chữ ký hoặc những tố cáo đã được cấp có thẩm quyền xem xét, kết luận nay tố cáo lại nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới.

d) Nếu tố cáo hành vi phạm tội thì chuyển cho cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát xử lý theo quy định tại Điều 71 của Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Trong trường hợp hành vi bị tố cáo gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhà nước, của tập thể, tính mạng, tài sản của công dân thì cơ quan nhận được phải báo ngay cho cơ quan chức năng để có biện pháp ngăn chặn.

3. Trong trường hợp Thủ trưởng cơ quan nhà nước các cấp, các ngành nhận được thông tin người tố cáo bị đe dọa, trù dập, trả thù thì phải có trách nhiệm chỉ đạo hoặc phối hợp với cơ quan chức năng liên quan làm rõ, có biện pháp bảo vệ người tố cáo, ngăn chặn và đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật người có hành vi đe dọa, trù dập, trả thù người tố cáo”.

**Điều 2.** Tổng Thanh tra Nhà nước, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

**Điều 3.** Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI